

## PHỤ LỤC: DANH SÁCH BIỂU MẪU BÁO CÁO

### 1 Công bố thông tin định kỳ, bất thường và các thông tin khác

TT	Biểu mẫu	Tên báo cáo	Đối tượng	Thời hạn công bố	Căn cứ
1	IDS-11.1; IDS-11.3; IDS-11.7	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Công ty đại chúng (bao gồm cả Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1, Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC
2	IDS-11.2; IDS-11.4; IDS11-8	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC
3		Báo cáo tài chính quý/ BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý/ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có)	Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC
4		Báo cáo thường niên	Công ty đại chúng (bao gồm cả Tổ chức niêm	Trong vòng hai mươi (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được	Khoản 1, Điều 8, Thông tư

TT	Biểu mẫu	Tên báo cáo	Đối tượng	Thời hạn công bố	Căn cứ
			yết, công ty đại chúng quy mô lớn)	kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	155/2015/TT-BTC (Phụ lục 04)
5		Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng và năm	Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn	Chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	Khoản 6, Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC
6		Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Công ty đại chúng (bao gồm cả Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn)		Khoản 3, Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC
7		Công bố thông tin bất thường 24 giờ	Công ty đại chúng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC
			Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn		Điều 9 và Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC
10		Công bố thông tin theo yêu cầu	Công ty đại chúng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN	Điều 10 Thông tư 155/2015/TT-BTC
			Tổ chức niêm yết,		Điều 10 và Điều

TT	Biểu mẫu	Tên báo cáo	Đối tượng	Thời hạn công bố	Căn cứ
			công ty đại chúng quy mô lớn		13 Thông tư 155/2015/TT-BTC

## 2 Công bố thông tin về chào bán, phát hành chứng khoán

TT	Biểu mẫu	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ
<b>1</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng</b>			
1.1	IDS-20	Công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23 và Phụ lục 11, Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.2	IDS-21	Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23 và Phụ lục 12, Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.3	IDS-24	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán,	Phụ lục 13, Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.4		Báo cáo kết quả chào bán trái	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết	Phụ lục 14, Thông tư

TT	Biểu mẫu	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ
		phiếu ra công chúng	thúc đợt chào bán,	162/2015/TT-BTC
1.5		Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	Mẫu số 05, Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.6		Báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị	Khoản 5 Điều 9 và Mẫu số 04, Nghị định 58/2012/NĐ-CP
2	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu</b>			
2.1		Công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 và Phụ lục 19, Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.2	IDS-19	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 và Phụ lục 20, Thông tư 162/2015/TT-BTC

<b>TT</b>	<b>Biểu mẫu</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Thời hạn công bố</b>	<b>Căn cứ</b>
2.2	IDS-17/ IDS-18	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 và Phụ lục 21, Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.3		Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 và Phụ lục 22, Thông tư 162/2015/TT-BTC
<b>3</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ</b>			
3.1		Công bố thông tin mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại/bán cổ phiếu quỹ	Điều 44 và Phụ lục 24, Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.2	IDS-12/IDS-16	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Điều 44 và Phụ lục 25, Thông tư 162/2015/TT-BTC

<b>TT</b>	<b>Biểu mẫu</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Thời hạn công bố</b>	<b>Căn cứ</b>
3.3		Thông báo quyết định của công ty về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Điều 46 và Phụ lục 26, Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.4		Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Điều 46 và Phụ lục 27, Thông tư 162/2015/TT-BTC
<b>4</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về chào mua công khai</b>			
4.1		Công bố thông tin chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Điều 51 và Phụ lục 29, Thông tư 162/2015/TT-BTC
4.2	IDS-15	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Điều 52 và Phụ lục 30, Thông tư 162/2015/TT-BTC
<b>5</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài</b>			

<b>TT</b>	<b>Biểu mẫu</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Thời hạn công bố</b>	<b>Căn cứ</b>
5.1		Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Phụ lục 32, Thông tư 162/2015/TT-BTC
5.2		Công bố thông tin về hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Phụ lục 33, Thông tư 162/2015/TT-BTC
<b>6</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam</b>			
6.1	IDS-23	Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán,	Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
6.2		Báo cáo thay đổi (điều chỉnh) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Mẫu số 06, Nghị định 58/2012/NĐ-CP
6.3		Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Mẫu số 07, Nghị định 58/2012/NĐ-CP

<b>TT</b>	<b>Biểu mẫu</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Thời hạn công bố</b>	<b>Căn cứ</b>
		Việt Nam		
<b>7</b>	<b>Chào bán cổ phiếu riêng lẻ</b>			
7.1	IDS-22	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ khi hoàn thành đợt chào bán	Khoản 4 Điều 6 và Mẫu số 02, Nghị định 58/2012/NĐ-CP
7.2		Thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 4 Điều 7 và Mẫu số 03, Nghị định 58/2012/NĐ-CP